

RUNG LẮC TẠI VÙNG CẢN MẠNH

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Hiện tại nên ưu tiên các cổ phiếu đang có tín hiệu tốt từ vùng hỗ trợ để nắm giữ hoặc mua tích lũy. Các nhóm cổ phiếu cần lưu ý như chứng khoán, bank, bất động sản,...

BÁN

Nhà đầu tư nên tận dụng nhịp hưng phấn để chốt lời từng phần các mã đang tiếp cận và suy yếu tại các ngưỡng cản mạnh ngắn hạn.

MUA

KSB

↑ 12,60%

VND 29.500

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (14/3), sau khi nhà chức trách công bố thêm một báo cáo lạm phát nóng hơn dự báo.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tiếp tục trạng thái rung lắc tại vùng cản 1270-1280 điểm nhưng có sự thận trọng nhất định. Thanh khoản tăng so với phiên trước cho thấy dòng tiền vẫn còn nỗ lực hỗ trợ thị trường. Nguồn cung giá thấp chưa gây áp lực nhiều lên chỉ số Vn-Index. Trong phiên tới, khả năng chỉ số Vn-Index sẽ kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ 1260 điểm, trường hợp giữ được mốc này thì chỉ số sẽ hình thành vùng dao động hẹp dưới vùng cản 1.275 điểm. Trong trường hợp không giữ được thì phải lùi xuống để kiểm định cầu quanh hỗ trợ 1250 điểm.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.905,66	-0,35	3,23
S&P 500	5.150,48	-0,29	7,98
Nasdaq	16.128,53	-0,30	7,44
VIX	14,40	4,73	15,66
DAX	17.942,04	-0,11	7,11
FTSE 100	7.743,15	-0,37	0,13
CAC40	8.161,42	0,29	8,20
Hang Seng	16.758,36	-1,20	-1,70

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	66,54	BUY
MACD(12,26)	19,40	BUY
ADX(14)	41,77	Overbought
SMA5	1.253,36	BUY
SMA20	1.241,23	BUY
SMA50	1.194,64	BUY
SMA100	1.146,86	BUY
SMA200	1.157,36	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (14/3), sau khi nhà chức trách công bố thêm một báo cáo lạm phát nóng hơn dự báo. Giá dầu thô tăng khá mạnh lên mức cao nhất trong 4 tháng sau khi có dự báo mới cho rằng nguồn cung dầu toàn cầu năm nay sẽ thắt chặt hơn so với dự kiến ban đầu.
- Thông tin tại hội nghị cho biết tăng trưởng tín dụng hai tháng đầu năm 2024 giảm so với cuối năm 2023, trong khi lượng tiền gửi còn rất lớn, đạt 14 triệu tỷ đồng. Theo số liệu trước đó, tổng tiền gửi vào cuối năm 2023 đạt khoảng 13,5 triệu tỷ đồng. Như vậy chỉ trong vòng hai tháng, tiền gửi đã tăng thêm 3,7%, tương ứng 500.000 tỷ đồng.
- Ngày 14/03, NHNN đã tiếp tục hút thêm 15.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu kỳ hạn 28 ngày với mức lãi suất 1,4%/năm. Ngày 11/04/2024 là ngày đáo hạn của lô tín phiếu trên, tương ứng 15 nghìn tỷ đồng từ NHNN sẽ quay lại hệ thống. Tính chung 4 phiên liên tiếp, nhà điều hành đã hút gần 60.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu. Ngày 14/03, mức lãi suất trúng thầu tín phiếu ghi nhận thấp hơn so với lãi suất bình quân liên ngân hàng qua đêm (đạt 1,47%/năm vào ngày 12/03).
- ACB:** Ngân hàng TMCP Á Châu vừa công bố tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với kế hoạch lợi nhuận đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước. HĐQT ACB dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 25%, trong đó 15% bằng cổ phiếu và 10% bằng tiền mặt, từ đó tăng vốn điều lệ thêm hơn 5.800 tỷ đồng.
- FPT:** Năm 2024, Tập đoàn FPT đặt mục tiêu sẽ thu về gần 62.000 tỷ đồng và lợi nhuận vượt mốc 10.000 tỷ đồng. Doanh thu cả ba khối công nghệ, viễn thông và giáo dục đầu tư khác kỳ vọng đều tăng trưởng hai chữ số. Về kế hoạch cổ tức, FPT đề xuất mức cổ tức cho năm 2023 là 20% bằng tiền (2.000 đồng/cp). Công ty dự kiến thực hiện chi trả 10% còn lại trong quý II/2024.
- VIB:** HĐQT VIB đề xuất thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với LNTT đạt 12.045 tỷ đồng, tăng 13% so với mức thực hiện của năm 2023. VIB dự kiến sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12,5%, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 17% và phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên với tỷ lệ 0,44%.
- VIX:** Chứng khoán VIX thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 10%. Như vậy, ước tính Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 20 cổ phiếu mới.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.163,86	0,08	4,89
Dầu WTI	81,16	-0,12	13,27
Dầu Brent	85,27	-0,18	10,68
Than	131,50	0,31	-10,18
Đồng	8.887,50	-0,44	3,84
Quặng sắt	105,43	-2,18	-23,56
Thép	537,50	0,19	-4,81

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	103,442	0,08	2,08
USD/JPY	148,45	-0,08	-4,99
USD/CNY	7,1956	-0,02	-1,33
EUR/USD	1,0878	-0,05	-1,46
GBP/USD	1,2741	-0,09	0,08

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	-	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	940,95	30.350	-1,46
SSI	1.506,81	37.850	-0,26
VIX	971,29	20.800	3,48
VND	950,74	23.300	-1,06
MWG	634,76	47.250	-2,68

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	530.963,67	95.000	-1,04
BID	294.712,54	51.700	-1,71
CTG	184.996,22	34.450	-1,99
VHM	186.802,37	42.900	-0,12
GAS	186.035,93	81.000	2,53

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

KSB

Khuyến nghị

MUA

Giá hiện tại

26.200

Giá mục tiêu

29.500

Tiềm năng tăng giá

12,60%

Vùng giải ngân

25.500 – 26.500

Ngưỡng cắt lỗ

<24.600 (6%)

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đang sở hữu nhiều mỏ đá lớn như mỏ Tân Mỹ, Phước Vĩnh tại Bình Dương, mỏ Thiện Tân 7 tại tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, doanh nghiệp này đang nắm giữ 9,5% cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (mã cổ phiếu VLB) – đơn vị có nhiều mỏ đá khai thác tại tỉnh Đồng Nai với công suất khai thác 4 triệu m3/năm.
- Hoạt động kinh doanh thời gian tới của Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương sẽ được hưởng lợi từ việc xây dựng sân bay Long Thành và đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông phía Nam.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

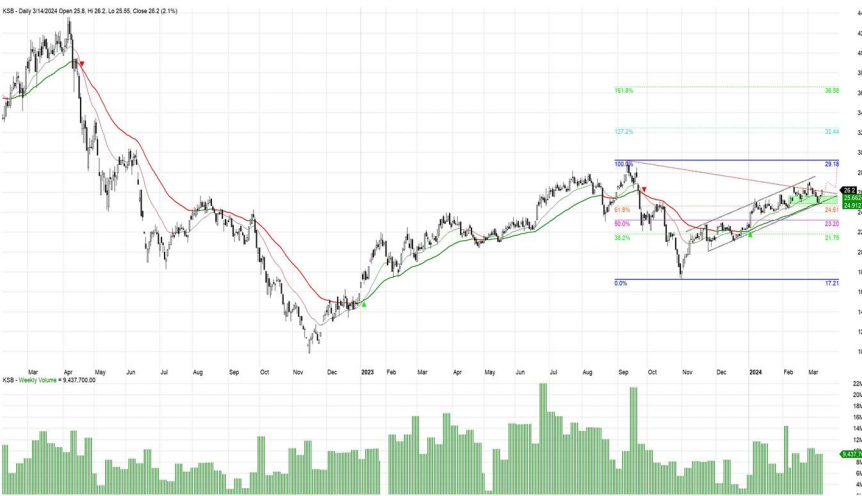
- KSB vẫn đang trong nhịp Sideway Up đi lên. Dòng tiền cũng như các tín hiệu kỹ thuật đang dần được cải thiện. Kháng cự gần 27.000 đồng, hỗ trợ 25.000 đồng. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến của cổ phiếu trong phiên tới để có những hành động phù hợp.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	884	859	138
LNTT (tỷ đ)	301	184	6
LNST (tỷ đ)	253	152	2
Nợ/VCSH (%)	41	57	58
ROE (%)	12,70	7,01	3,55
ROA (%)	6,39	3,70	1,91
EPS (VNĐ)	2.471	1.453	793,77
P/E (lần)	15,5	10,9	33,01
P/B (lần)	1,86	0,74	1,18

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	56,71	BUY
MACD(12,26)	0,26	BUY
ADX(14)	24,29	BUY
SMA5	25.540	BUY
SMA20	25.850	BUY
SMA50	24.940	BUY
SMA100	23.110	BUY
SMA200	24.170	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	HDG	Theo dõi	28,4-29,4			33,5	27,5			
2	NKG	Theo dõi	23-23,8			27,6	22,4			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	STB	Nắm giữ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1			-2,72%
2	VND	Nắm giữ	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8			1,30%
3	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			-0,53%
4	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	ATO	9,89%
5	VGC	Nắm giữ	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8			6,67%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VND	Chốt lời	20,3-20,8	20/11/2023	20	24,2	19,6	25/12/2023	21,7	8,50%
2	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
3	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
4	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2024	56,7	13,40%
5	HSG	Chốt lời	21-21,8	10/1/2024	21,5	23,9	20,2	29/1/2024	23,45	9,07%
6	CTS	Chốt lời	28-28,85	9/1/2024	28,7	32,1	27	5/2/2024	31,3	9,06%
7	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
8	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
9	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
10	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
11	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
12	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
13	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
14	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
15	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI: 1150-1165.

Ngày: 10/10/2024	NVL	Tỷ lệ
Mua	16.16.5	
Cứ B	(Đoàn 14)	-(-12%)
Chốt B (1:50%)	18.00	-(-15%-18%)
Chốt B (2:50%)	21.22	-(-18%-15%)
Mua CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65.66	
Cứ B	(Cổ Bỏ DCA và 41.62)	-(-4%)
Chốt B (1:50%)	72.75	-(-12%-14%)
Chốt B (2:50%)	Năm 90	
Mua CP	GES	Tỷ lệ
Mua	21.21.5	
Cứ B	19.1	-(-4%)
Chốt B (1:50%)	23.24	-(-7%-12%)
Chốt B (2:50%)	25.5.26	-(-12%-14%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng lợi nhuận CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Giá chốt đầu tư	49,800 đ
Giá trị trị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ lũy kế	+479,800,200 đ (6.18%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.459 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room